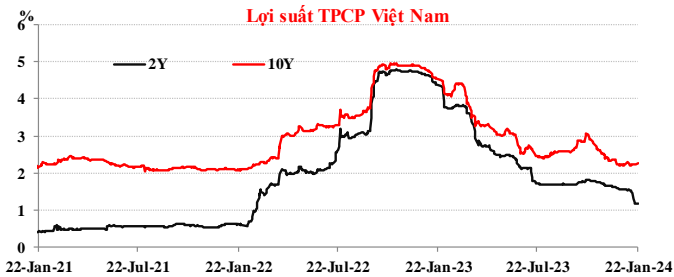

**Lãi suất LNH**
**Trái phiếu**

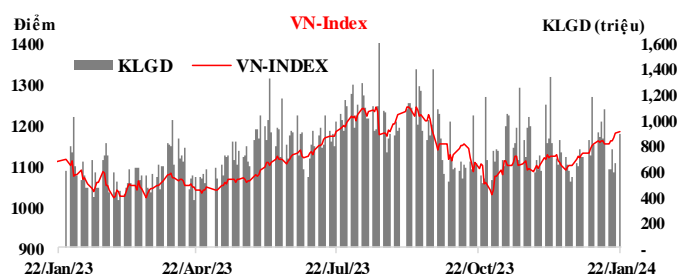
Kỳ hạn	VND		USD		Kỳ hạn	Lợi suất	
	D/D	D/D	D/D	D/D		Lợi suất	D/D
ON	0.19	0.00	5.10	0.00	3Y	1.20	0.000
1W	0.31	0.01	5.23	0.02	5Y	1.38	-0.032
2W	0.52	-0.06	5.29	0.00	7Y	1.80	-0.022
1M	1.20	-0.06	5.39	0.00	10Y	2.25	0.002
2M	2.73	-0.03	5.49	0.01	15Y	2.44	0.002
3M	2.93	-0.03	5.58	0.02			
6M	4.57	-0.01	5.63	0.02			
9M	4.98	-0.10	5.74	0.06			
1Y	5.35	-0.04	5.79	0.05			


**Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNNHN 22/01/2024**

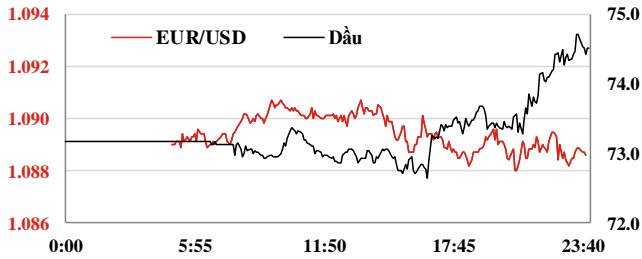
Đơn vị: Tỷ đ.	Tổng KL chào thầu	Tổng KL trúng thầu	Tổng KL đảo hạn	Ròng	KL lưu hành
Reverse Repo	1,000.00	-	-	-	0.00
Sell Outright	-	-	-	-	0.00
<b>Tổng</b>					

**Chứng khoán ngày 22/01/2024**

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
<b>Điểm</b>	1182.86	229.77	87.72
<b>%/ngày</b>	0.12%	0.13%	0.30%
<b>%/30/12/2022</b>	17.45%	11.9%	22.4%
<b>KLGD (tr.đ.v)</b>	889.76	63.78	30.4
<b>GTGD (tỷ đ)</b>	18739.20	1179.86	496.67
<b>NDINN mua (tỷ đ)</b>	1671.23	15.31	22.83
<b>NDINN bán (tỷ đ)</b>	1194.20	22.88	13.93


**Tin trong nước ngày 22/01**

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 22/01, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.031 VND/USD, giảm nhẹ 06 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.182 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.560 VND/USD, tăng 24 đồng so với phiên 19/01. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng mạnh 180 đồng ở chiều mua vào và 200 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 24.980 VND/USD và 25.080 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 22/01, lãi suất chào bình quân LNH VND đi ngang ở kỳ hạn ON trong khi tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W, giảm 0,06 đpt ở các kỳ hạn 2W và 1M so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 0,19%; 1W 0,31%; 2W 0,52% và 1M 1,20%. Lãi suất chào bình quân LNH USD không thay đổi ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng 0,02 đpt ở kỳ hạn 1W; giao dịch tại: ON 5,10%; 1W 5,23%; 2W 5,29%, 1M 5,39%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp biến động trái chiều; chốt phiên ở mức: 3Y 1,20%; 5Y 1,38%; 7Y 1,80%; 10Y 2,25%; 15Y 2,44%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN và cũng không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.
- Thị trường chứng khoán:** Thị trường chứng khoán chứng kiến phiên đầu tuần tăng điểm ở cả 3 chỉ số với lực mua trở lại. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng nhẹ 1,36 điểm (+0,12%) lên mức 1.182,86 điểm; HNX-Index nhích 0,29 điểm (+0,13%) lên 229,77 điểm; UPCoM-Index tăng 0,26 điểm (+0,30%) đạt 87,72 điểm. Thanh khoản thị trường ở mức trung bình với giá trị giao dịch trên 20.400 tỷ đồng. Khối ngoại mua ròng hơn 478 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan vừa công bố cho thấy, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 15 ngày đầu tháng 1/2024 đạt 29,79 tỷ USD, giảm 0,6% so với kỳ trước. Ở chiều XK, kim ngạch XK đạt 15,1 tỷ USD, giảm 7,5% so với nửa cuối tháng 12/2023, trong đó các doanh nghiệp FDI đóng góp 11 tỷ USD. Chiều ngược lại, kim ngạch NK trong nửa đầu tháng 1 đạt 14,7 tỷ USD, tăng 7,6% so với kỳ trước, trong đó kim ngạch của doanh nghiệp FDI đạt 9,48 tỷ USD. Như vậy, cán cân thương mại từ 01-15/01 thặng dư khoảng 400 triệu USD.**



	22 Jan 24	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	103.33	0.04%	0.91%	1.97%
USD/CNY	7.19	-0.02%	0.29%	1.33%
USD/EUR	0.92	0.15%	0.62%	1.42%
USD/JPY	148.09	-0.03%	1.62%	4.98%
USD/KRW	1339.05	0.40%	1.46%	3.45%
USD/SGD	1.34	0.12%	0.67%	1.73%
USD/TWD	31.33	-0.17%	0.16%	2.11%
USD/THB	35.59	0.25%	1.86%	3.61%
USD/VND Trung tâm	24031	-0.02%	0.16%	0.69%
USD/VND LNH	24560	0.10%	0.36%	1.28%
USD/VND tự do	25025	0.39%	0.48%	1.15%
Vàng	2020.99	-0.40%	-1.63%	-2.02%
Dầu WTI	75.19	2.42%	3.45%	4.94%

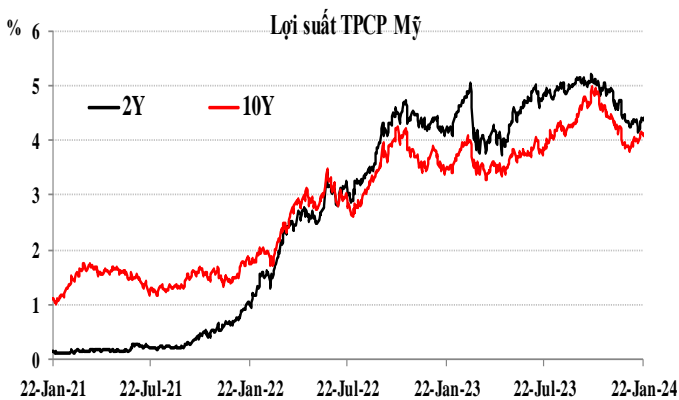
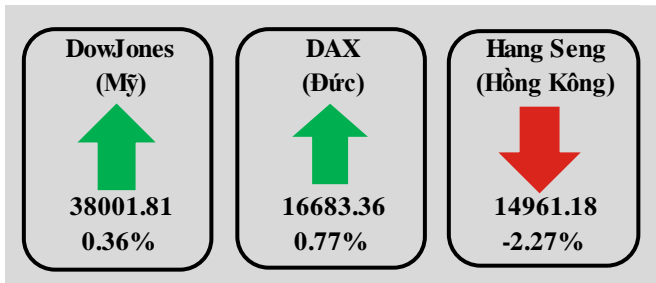
## Tin quốc tế

▪ **NHTW Trung Quốc PBOC không thay đổi lãi suất điều hành.** Trong cuộc họp ngày hôm qua, PBOC quyết định giữ lãi suất cho vay cơ bản (LPR) kỳ hạn 1 năm và kỳ hạn 5 năm lần lượt ở mức 3,45% và 4,2%, không thay đổi so với kỳ họp trước, khớp với dự báo từ Reuters. Một số ý kiến nhận định rằng động thái này của PBOC có thể liên quan đến việc tỷ giá CNY/USD đang đi lên trở lại trong những ngày gần đây, hiện đã ở khoảng 7,2CNY/USD (+1,3% ytd), cao nhất trong vòng 2 tháng. Thị trường cũng dự báo PBOC có thể hạ LS nếu áp lực mất giá của CNY được giảm thiểu, là khi Fed bước vào thời kỳ hạ LSCS, có thể vào tháng 03/2024. Ngoài ra, một số khác thậm chí kỳ vọng PBOC tiếp tục hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc trong năm 2024, do Trung Quốc đang đối mặt với nhiều vấn đề ở thị trường tài chính, đồng thời đối mặt với nguy cơ giảm tốc GDP và giảm phát kéo dài.

▪ **NHTW Anh BOE được dự báo bắt đầu cắt giảm LSCS vào Q3/2024.** Theo một khảo sát của Reuters đối với 70 chuyên gia kinh tế, 2/3 số lượng ý kiến cho rằng BOE sẽ bắt đầu cắt giảm LSCS trong quý III năm nay, khi lạm phát tại Anh giảm xuống gần ngưỡng mục tiêu của cơ quan này, và chỉ 1/3 số ý kiến còn lại kỳ vọng lượt cắt giảm đầu tiên sẽ diễn ra trong Q2. Chỉ số giá tiêu dùng CPI toàn phần tại Anh trong tháng 12 tăng 4,0%, cao hơn một chút so với mức 3,9% của tháng 11, tuy nhiên nguyên nhân chính là do yếu tố mùa vụ, sẽ sớm hạ nhiệt trở lại ở đầu năm nay. 66/70 chuyên gia cho rằng LSCS của BOE sẽ ở mức 4,25% khi năm 2024 kết thúc, đồng nghĩa sẽ có 4 lần cắt giảm 25 đcb từ mức 5,25% ở thời điểm hiện tại.

### Lịch công bố các chỉ số kinh tế:

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
22-01	8:15	**	Lãi suất cơ bản 1-y tại Trung Quốc	3,45	3,45	3,45
22-01	8:15	**	Lãi suất cơ bản 5-y tại Trung Quốc	4,2	4,2	4,2
23-01	Tentative	***	LSCS NHTW Nhật Bản BOJ			
23-01	12:00	*	CPI Nhật Bản lõi yy T2		2,8	2,7
23-01	22:00	**	Chỉ số sản xuất Richmond tại Mỹ T12		-7,0	-11,0



### Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	5,25%	5,50%	26/7/2023	31/1/2024
Châu Âu	EUR	4,50%	4,75%	14/9/2023	25/1/2024
Anh	GBP	5,25%	5,25%	3/8/2023	1/2/2024
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/1/2016	23/1/2024
Australia	AUD	4,10%	4,35%	8/11/2023	6/2/2024

# Thị trường chứng khoán

## VN-INDEX



VN-Index tăng, đóng cửa tại 1.182,86 điểm. Thị trường tiếp tục rung lắc quanh ngưỡng 1180 điểm, tuy nhiên VN-Index đang có sự quay trở lại của thanh khoản, hấp thụ tốt áp lực bán ra. Trong trường hợp dòng tiền tiếp tục phát triển, VN-Index có thể đi lên trong những phiên sắp tới, thử thách ngưỡng tâm lý 1190 – 1200 điểm.

## NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội  
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

## TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

### Những người thực hiện:

**Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm**  
Email: ninhnh1@msb.com.vn

**Nguyễn Trường Giang - CVC Phân tích**  
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: [Research@msb.com.vn](mailto:Research@msb.com.vn)